

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST

Ngày: 25-4-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Trí
Ông Ngô Văn Nghị

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXX-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Sĩ B – sinh năm 1977 và bà Hồ Thị Th – sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn M6, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà Th: Bà Hồ Thị H – sinh năm 1983. Công ty Luật TNHH Inteco.

Địa chỉ: Đường PĐP, thị trấn PP, huyện TS, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch Duy Đ – sinh năm 1989 và bà Nguyễn Thị Thanh T – sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Thôn M6, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Hồ Thị H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Sĩ B và bà Hồ Thị Th trình bày:

Giữa vợ chồng ông Trần Sĩ B, bà Hồ Thị Th và vợ chồng ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T là bà con họ hàng và người cùng địa phương nên ngày 28/7/2021 vợ chồng ông B, bà Th có cho vợ chồng ông Đ, bà T vay số tiền 60.000.000 đồng để lo công việc, thời gian 30 ngày, không có lãi suất. Từ khi vay đến nay ông Đ, bà T chưa trả tiền cho vợ chồng ông B, bà Th, đến hạn ông B, bà Th đã đòi nhiều lần nhưng ông Đ, bà T không trả nên ông B, bà Th khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T phải trả số nợ 60.000.000 đồng tiền gốc một lần và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Vợ chồng ông bà thừa nhận giấy nợ ngày 28/7/2021 do vợ chồng ông bà có ký vào giấy nợ, chữ ký đúng của vợ chồng ông bà nhưng đây là số tiền đặt cọc. Nay vợ chồng ông B, bà Th khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả 60.000.000 đồng theo giấy ngày 28/7/2021 thì vợ chồng ông bà thừa nhận có nhận 60.000.000 đồng của ông B, bà Th, vợ chồng ông bà đồng ý trả 60.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông bà xin đến tháng 6/2023 sẽ trả dứt điểm vì khi ký giấy vợ chồng ông bà có nói khi nào bán được đất sẽ trả tiền, vì đất này tháng 6 có lệnh khai thác mới bán được. Hiện nay ông bà chưa bán được cây nên không có tiền trả cho anh B, chị Th.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị: Căn cứ Điều 357, 463, 470 BLDS năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Sĩ B, bà Hồ Thị Th; buộc ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả cho ông B, bà Th số tiền nợ 60.000.000 đồng; ghi nhận sự tự nguyện của ông B, bà Th không yêu cầu tính lãi suất. Bác yêu cầu của ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T xin đến tháng 6/2023 sẽ trả nợ vì không được nguyên đơn chấp nhận. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đ, bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Giữa vợ chồng ông Trần Sĩ B, bà Hồ Thị Th và vợ chồng ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T là chỗ bà con nên ông B, bà Th có cho ông Đ, bà T vay số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 28/7/2021, ông Đ, bà T có viết giấy mượn tiền cho ông B, bà Th, có ghi thời hạn trả nợ là 30 ngày, không ghi lãi suất. Từ khi vay đến nay ông Đ, bà T chưa trả nợ cho ông B, bà Th, ông B, bà Th đã đòi nhiều

lần nhưng ông Đ, bà T không trả nợ. Nay ông B, bà Th yêu cầu ông Đ, bà T phải có nghĩa vụ trả số nợ 60.000.000 một lần và không yêu cầu tính lãi.

[2.2] Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông B, bà Th và ông Đ, bà T được xác lập ngày 28/7/2021 là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại khoản 1 Điều 470 BLDS năm 2015. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn ông B, bà Th đã cung cấp chứng cứ là Giấy mượn tiền ngày 28/7/2021 số tiền 60.000.000 đồng do ông Đ, bà T ký vào giấy nhận nợ. Bị đơn ông Đ, bà T cũng công nhận giấy mượn tiền trên là do ông bà ký và thừa nhận nợ của ông B, bà Th. Ông B, bà Th đã đòi nhiều lần nhưng ông Đ, bà Th không trả nợ. Như vậy ông Đ, bà T đã vi phạm hợp đồng nên yêu cầu của ông B, bà Th được HĐXX chấp nhận. Do đó, buộc ông Đ, bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông B, bà Th số tiền nợ 60.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay, bà Hồ Thị H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Sĩ B, bà Hồ Thị Th không yêu cầu tính tiền lãi suất của khoản vay 60.000.000 đồng mà chỉ yêu cầu ông Đ, bà T trả số nợ 60.000.000 đồng, nên HĐXX ghi nhận tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

[2.3] Ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T xin đến tháng 6/2023 sẽ trả dứt điểm số tiền 60.000.000 đồng vì hiện nay ông bà chưa có khả năng trả nợ. Yêu cầu của ông Đ, bà T không được nguyên đơn ông B, bà Th chấp nhận và không phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B, bà Th được HĐXX chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, bị đơn ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 3.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Sĩ B, bà Hồ Thị Th do Hồ Thị H nộp thay theo biên lai thu số 0007622 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

[4] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Sĩ B, bà Hồ Thị Th về việc yêu cầu ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả số tiền vay ngày 28/7/2021.

2. Buộc ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Sĩ B, bà Hồ Thị Th số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

3. Bác yêu cầu của ông ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T xin đến tháng 6/2023 sẽ trả nợ vì không được nguyên đơn chấp nhận.

4. Về án phí: Ông Thạch Duy Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Sĩ B, bà Hồ Thị Th 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí do Hồ Thị H nộp thay theo biên lai thu số 0007622 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Về quyền nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thị Minh Trí

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA